TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **146**/2025/DS-ST
Ngày 09-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Hoàng Bo

Ông Hồ Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Chinh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 236/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Minh N, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Chí T; địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Ngọc L; địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 01/9/2024 âm lịch, ông Nguyễn Chí T, bà Nguyễn Ngọc L có vay của ông 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 6.000.000 đồng/tháng, đã đóng lãi được 03 lần mỗi lần nửa tháng, tổng cộng đã đóng lãi được 9.000.000 đồng. Tháng 01/2025 ông có khởi kiện thì ông T, bà L đã chuyển trả được 65.000.000 đồng nên ông rút đơn khởi kiện nhưng sau đó ông T, bà L không trả hết số nợ còn lại. Do đó ông khởi kiện yêu cầu ông T, bà L trả số tiền vay còn thiếu là 35.000.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Nguyễn Chí T, bà Nguyễn Ngọc L không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Bùi Minh N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Chí T, bà Nguyễn Ngọc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Ngày 01/9/2024 âm lịch nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 6.000.000 đồng/tháng. Tháng 01/2025 nguyên đơn có khởi kiện thì ông T, bà L đã chuyển trả được 65.000.000 đồng, sau đó nguyên đơn rút đơn khởi kiện thì không trả hết số nợ còn lại, do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền 35.000.000 đồng.

Xét thấy việc nguyên đơn cho bị đơn vay tiền đã được thể hiện qua Giấy cam kết do nguyên đơn cung cấp. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng vay nên nguyên đơn khởi kiện để bảo vệ quyền lợi của mình. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến nên xem như từ bỏ quyền của mình và cố tình trốn tránh nghĩa vụ với nguyên đơn. Mặt khác do ông T và bà L là vợ chồng nên phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ nguyên đơn theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 35.000.000 đồng.

Đối với tiền lãi, nguyên đơn xác định đã đóng lãi được 03 lần mỗi lần nửa tháng, tổng cộng đã đóng lãi được 9.000.000 đồng. Xét thấy số tiền lãi đã đóng không vượt quá tiền lãi theo mức lãi suất pháp luật quy định là 20%/năm tính từ ngày vay đến ngày xét xử, các đương sự không yêu cầu về nội dung này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 288, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Minh N. Buộc ông Nguyễn Chí T, bà Nguyễn Ngọc L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Bùi Minh N số tiền 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Bùi Minh N cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu ông Nguyễn Chí T, bà Nguyễn Ngọc L chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Chí T, bà Nguyễn Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.750.000 (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý